

VILAS 746

Số: 451 - 2025/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 22/12/2025

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể chứa NMN Đông Bắc Sông Cầu
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 46B05/25
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 11/12/2025
- Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 11/12/2025 đến ngày 19/12/2025
- Kết quả thử nghiệm :

| Stt | Tên chỉ tiêu           | Đơn vị    | Phương pháp thử  | QCVN 01-1:2024/BYT | Kết quả         |
|-----|------------------------|-----------|------------------|--------------------|-----------------|
| 1   | Mùi                    | -         | SMEWW 2150:2023  | Không có mùi lạ    | Không có mùi lạ |
| 2   | pH (*)                 | -         | TCVN 6492:2011   | 6,0 - 8,5          | 6,55            |
| 3   | Độ đục (*)             | NTU       | SMEWW 2130B:2023 | 2                  | 0,64            |
| 4   | Màu sắc (*)            | mg/l Pt   | TCVN 6185C:2015  | 15                 | < LOQ = 3,78    |
| 5   | Chỉ số Permanganat (*) | mg/l      | TCVN 6186:1996   | 2                  | 0,58            |
| 6   | Hàm lượng Amoni (*)    | mg/l      | TCVN6179-1:1996  | 1                  | 0,01            |
| 7   | Clo tự do (*)          | mg/l      | TCVN 6225-2:2021 | 0,2 - 1,0          | 0,69            |
| 8   | Coliform (*)           | CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 | < 1                | KPH             |
| 9   | E.Coli (*)             | CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 | < 1                | KPH             |

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



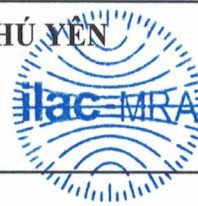
Võ Bá Duy Huân

Trần Quang Vinh

*Nguyễn Lân Chuẩn*

Ghi chú:

- (\*)Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử



VILAS 746

Số: 452 - 2025/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 22/12/2025

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Tuyến Xuân Bình - NMN Đông Bắc Sông Cầu
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 47M<sub>1</sub>05/25
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 11/12/2025
- Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 11/12/2025 đến ngày 19/12/2025
- Kết quả thử nghiệm :

| Stt | Tên chỉ tiêu           | Đơn vị    | Phương pháp thử  | QCVN 01-1:2024/BYT | Kết quả         |
|-----|------------------------|-----------|------------------|--------------------|-----------------|
| 1   | Mùi                    | -         | SMEWW 2150:2023  | Không có mùi lạ    | Không có mùi lạ |
| 2   | pH (*)                 | -         | TCVN 6492:2011   | 6,0 - 8,5          | 6,51            |
| 3   | Độ đục (*)             | NTU       | SMEWW 2130B:2023 | 2                  | 0,50            |
| 4   | Màu sắc (*)            | mg/l Pt   | TCVN 6185C:2015  | 15                 | < LOQ = 3,78    |
| 5   | Chỉ số Permanganat (*) | mg/l      | TCVN 6186:1996   | 2                  | < LOQ = 0,55    |
| 6   | Hàm lượng Amoni (*)    | mg/l      | TCVN 6179-1:1996 | 1                  | < LOQ = 0,01    |
| 7   | Clo tự do (*)          | mg/l      | TCVN 6225-2:2021 | 0,2 - 1,0          | 0,45            |
| 8   | Coliform (*)           | CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 | < 1                | KPH             |
| 9   | E.Coli (*)             | CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 | < 1                | KPH             |

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

P. PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



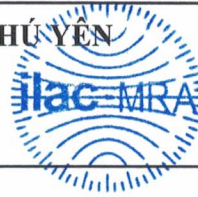
Nguyễn Văn Tuấn

Võ Bá Duy Huân

Trần Quang Vinh

Ghi chú:

- (\*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử



VILAS 746

Số: 453 - 2025/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 22/12/2025

Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Tuyến Xuân Hải - NMN Đông Bắc Sông Cầu
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
4. Ký hiệu mẫu : 48M<sub>2</sub>05/25
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 11/12/2025
6. Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 11/12/2025 đến ngày 19/12/2025
7. Kết quả thử nghiệm :

| Stt | Tên chỉ tiêu           | Đơn vị    | Phương pháp thử  | QCVN 01-1:2024/BYT | Kết quả         |
|-----|------------------------|-----------|------------------|--------------------|-----------------|
| 1   | Mùi                    | -         | SMEWW 2150:2023  | Không có mùi lạ    | Không có mùi lạ |
| 2   | pH (*)                 | -         | TCVN 6492:2011   | 6,0 - 8,5          | 6,57            |
| 3   | Độ đục (*)             | NTU       | SMEWW 2130B:2023 | 2                  | 0,46            |
| 4   | Màu sắc (*)            | mg/l Pt   | TCVN 6185C:2015  | 15                 | < LOQ = 3,78    |
| 5   | Chỉ số Permanganat (*) | mg/l      | TCVN 6186:1996   | 2                  | < LOQ = 0,55    |
| 6   | Hàm lượng Amoni (*)    | mg/l      | TCVN6179-1:1996  | 1                  | < LOQ = 0,01    |
| 7   | Clo tự do (*)          | mg/l      | TCVN 6225-2:2021 | 0,2 - 1,0          | 0,33            |
| 8   | Coliform (*)           | CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 | < 1                | KPH             |
| 9   | E.Coli (*)             | CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 | < 1                | KPH             |

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



Nguyễn Văn Tuấn

Võ Bá Duy Huân

Trần Quang Vinh

Ghi chú:

- (\*)Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử